

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về tên, ký mã hiệu, nhãn hiệu cụ thể của hàng hóa.

Hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT mà không được quy định tương đương về xuất xứ.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

*- Tên gói thầu: **Gói thầu số 03:** Mua sắm hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, chữa bệnh năm 2025 tại Trung tâm Y tế khu vực Ngũ Hành Sơn.*

- Tên dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2025-2026 tại Trung tâm Y tế khu vực Ngũ Hành Sơn.

- Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế khu vực Ngũ Hành Sơn.

- Nguồn vốn: Từ nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh, nguồn thu do cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán và nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng.

- Địa điểm thực hiện: Trung tâm Y tế khu vực Ngũ Hành Sơn - 582 Lê Văn Hiến, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Hàng hóa dự thầu có nêu chủng loại/ model/ ký mã hiệu, Hãng sản xuất, Nước sản xuất, Năm sản xuất; Tình trạng mới 100%.

- Tài liệu bản gốc phải kèm bản dịch sang tiếng Việt. (Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính trung thực của bản dịch):

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa dự thầu do Hãng sản xuất phát hành (trường hợp bản tiếng nước ngoài khác tiếng Anh thì nhà thầu phải cung cấp Tài liệu tiếng gốc của Hãng kèm Bảng tiếng Anh được phát hành từ Hãng). Các Tài liệu phải thể hiện được chủng loại/ model / ký mã hiệu và thông số kỹ thuật của hàng hóa để có cơ sở đối chiếu với thông số dự thầu nhà thầu đã kê khai.

+ Đối với các tài liệu tra cứu được trên trang Web điện tử của Hãng sản xuất, Nhà thầu phải cung cấp kèm đường Link tra cứu (được lưu trong file định dạng Word hoặc Excel).

+ Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có thể yêu cầu bổ sung Bản phát hành có xác nhận, đóng dấu của Hãng sản xuất hoặc Hãng chủ sở hữu kèm bản dịch thuật công chứng của cơ quan có thẩm quyền; Trong trường hợp có sự sai khác giữa bản dịch và bản gốc thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá dựa vào bản gốc.

- Phiếu công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế:

+ Đối với nhà thầu dự thầu các phần thuộc lĩnh vực: vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, dụng cụ y khoa: Nhà thầu (Tất cả các thành viên liên danh) tham gia đấu thầu phải công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế và cung cấp kèm tài liệu Thông tin (hoặc Phiếu tiếp nhận) Hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D do Sở Y tế có thẩm quyền cấp; Hoặc Đối với Trang thiết bị y tế thuộc loại A hoặc loại B, C, D (được mua, bán như các hàng hóa thông thường theo quy định tại Điều 4 - Thông tư 05/2022/TT-BYT ngày 01/08/2022): Nhà thầu không yêu cầu công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D.

+ Đối với nhà thầu dự thầu các phần thuộc các lĩnh vực còn lại: Không yêu cầu phiếu công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế.

- Đối với nhà thầu dự thầu các phần thuộc lĩnh vực: vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, dụng cụ y khoa nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh:

+ Hàng hóa phải được niêm yết giá và đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Khoản 9, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023. Nhà thầu kê khai và đính kèm bản PDF thể hiện giá niêm yết trong E-HSDT.

+ Hàng hóa sản xuất tại Việt Nam phải Công bố đủ điều kiện sản xuất đối với trang thiết bị y tế sản xuất trong nước của Hãng sản xuất trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế (Nhà thầu cung cấp Văn bản công bố đủ điều kiện sản xuất; Thông tin (hoặc Phiếu tiếp nhận) Hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết

bị y tế do Sở Y tế có thẩm quyền cấp).

+ Hãng sản xuất phải đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương và chứng chỉ chất lượng của hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT (nếu có).

+ Bản phân loại trang thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP, Nghị định 07/2023/NĐ-CP.

+ Trang thiết bị y tế thuộc loại A, B: Có Sổ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B; (Nhà thầu cung cấp Văn bản công bố Tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A hoặc loại B theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP, Nghị định 07/2023/NĐ-CP; Thông tin (hoặc Phiếu tiếp nhận) Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A hoặc loại B, do Sở Y tế có thẩm quyền cấp)

+ Trang thiết bị y tế thuộc loại C, D: Giấy phép nhập khẩu hoặc giấy phép lưu hành phải còn hiệu lực; (Nhà thầu cung cấp Văn bản đề nghị Cấp mới số lưu hành trang thiết bị y tế; Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành trang thiết bị y tế thuộc loại C, D do Bộ Y tế cấp; Hoặc giấy phép nhập khẩu do Bộ Y tế cấp còn hiệu lực)

+ Đối với trang thiết bị y tế không thuộc danh mục phải cấp phép nhập khẩu (theo Khoản 18, Điều 1 Nghị định 07/2023/NĐ-CP) thì Nhà thầu phải có tài liệu chứng minh kèm bản phân loại là trang thiết bị y tế thuộc loại C, D được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế;

+ Đối với hàng hóa thuộc trường hợp thuộc Khoản 18, Điều 1 thuộc Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 về việc Sửa đổi, bổ sung Điều 76. Điều khoản chuyển tiếp của Nghị định 98/2021/NĐ-CP thì áp dụng theo quy định tại Khoản 18, Điều 1 thuộc Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023.

+ Tờ khai hải quan để xác nhận xuất xứ hàng hóa nếu là hàng nhập khẩu.

- Đối với nhà thầu dự thầu các phần thuộc các lĩnh vực còn lại, nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa dự thầu như: Giấy chứng nhận xuất xưởng (CO) hoặc phiếu công bố tiêu chuẩn sản phẩm hoặc tờ khai hàng hóa nhập khẩu hoặc tương đương.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

Theo quy định tại PHỤ LỤC 1 - DANH MỤC HÀNG HÓA.

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật khó mô tả. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu về quy cách đóng gói, tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt” hơn so với yêu cầu cơ bản, đồng thời phải phù hợp với trang thiết bị hiện có và khả năng sử dụng của đơn vị sử

dụng. Tương đương được hiểu tương đương về chất liệu, tiêu chuẩn công nghệ, tính năng sử dụng (tùy theo chi tiết cụ thể trong cấu hình).

Nhà thầu phải lập bảng kê khai các thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu với hàng hóa mời thầu, trong đó ghi chú rõ hàng hóa có thông số kỹ thuật “tương đương” hoặc “tốt hơn” yêu cầu của E-HSMT và đính kèm tài liệu chứng minh.

1.3. Yêu cầu về quy cách E-HSDT

Nhà thầu sắp xếp E-HSDT vào các Folder và nén thành 1 File đính kèm trên Hệ thống.

- Để không xảy ra tình trạng lỗi file khi giải nén, Nhà thầu vui lòng đặt tên File hoặc Folder theo tiếng Việt không có dấu.

- Đối với nhà thầu Liên danh:

+ Nhà thầu phải đính kèm bản scan thỏa thuận liên danh có quy định công việc cụ thể của từng thành viên, tỷ lệ liên danh và Danh mục hàng hóa do từng thành viên cung cấp, hoặc tự sản xuất.

+ Nhà thầu chỉ đổi phần “**Tennhathau**” theo tên của các thành viên liên danh và đính kèm các tài liệu dự thầu của riêng từng thành viên theo phân công việc đảm nhận đã quy định tại Thỏa thuận liên danh.

- Cách đặt tên các Folder như sau:

A. TT_Tennhathau: là Folder chứa các thông tin về Nhà thầu như giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cam kết của nhà thầu, Bảng kê khai chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (nếu có) (kèm tài liệu chứng minh),...

B. NLKN_Tennhathau: là Folder chứa các thông tin về năng lực kinh nghiệm của Nhà thầu như Báo cáo tài chính + thuyết minh BCTC, Văn bản xác nhận của Cơ quan quản lý thuế năm tài chính gần nhất, Bản scan Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hoặc hóa đơn tài chính có danh mục hàng hóa đã thực hiện theo hợp đồng kê khai, tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa nếu nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa dự thầu,...

C. KT_HANG: là Folder chứa các thông tin về Kỹ thuật của hàng hóa dự thầu như Giấy ủy quyền bán hàng, catalogue/ brochure/ datasheet hoặc tài liệu chứng minh thông số dự thầu, tài liệu về tiêu chuẩn chất lượng,...

Mục 2. Bản vẽ : Không

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Các kiểm định và thử nghiệm cần tiến hành: Theo quy định pháp luật hiện hành.

- Thời gian kiểm tra và thử nghiệm: trước khi nghiệm thu.

- Nội dung kiểm tra: Đơn vị sử dụng có quyền kiểm tra, thử nghiệm các hàng hóa để khẳng định tính phù hợp với đặc tính kỹ thuật của hàng hóa theo hợp đồng. Chủ đầu tư không phải chịu các phí tổn phụ thêm. Đơn vị sử dụng có nhiệm

vụ thông báo kịp thời cho nhà cung cấp về kết quả chạy thử để nhà cung cấp có biện pháp khắc phục (nếu có) trước khi chính thức bàn giao.

- Các cuộc kiểm tra, thử nghiệm có thể được tiến hành tại cơ sở tại Đơn vị sử dụng.

- Nếu các hàng hóa qua kiểm tra và thử nghiệm mà không phù hợp với các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật thì Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng (nhà cung cấp phải thay thế các hàng hóa khác hoặc đưa ra những sửa đổi cần thiết để đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật và miễn phí hoàn toàn). Chủ đầu tư phải lập Biên bản trong trường hợp này để làm căn cứ xem xét trong việc đánh giá Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật đối với nhà thầu trong các kỳ đấu thầu tiếp theo.

PHỤ LỤC 1 - DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI THẦU

ST T	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
1	PP25005 76900	HÓA CHẤT SINH HÓA PHÙ HỢP THEO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG HS300SR				
1.1			Chất chuẩn xác nhận giá trị sinh hóa	Chất hiệu chuẩn sử dụng cho xét nghiệm sinh hóa -Thành phần: Huyết thanh người và các thành phần hóa học - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	ml	240
1.2			Chất QC mức bình thường	Huyết thanh kiểm soát dùng trong xét nghiệm sinh hóa. - Thành phần: Bovine serum, spiked with clinical chemistry parameters - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	ml	300
1.3			Chất QC mức bệnh lí	Huyết thanh kiểm soát dùng trong xét nghiệm sinh hóa. - Thành phần: Bovine serum, spiked with clinical chemistry parameters - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	ml	300

1.4			Thuốc thử đo GOT LiquiUV	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng GOT trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin/EDTA. - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	test	6400
1.5			Thuốc thử đo GPT LiquiUV	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng GPT trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin/EDTA. - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	test	6400
1.6			Thuốc thử Calcium	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Calcium trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin. - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	test	7800
1.7			Thuốc thử Creatinine	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng auto-Creatinine trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin. - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	test	10200
1.8			Thuốc thử Glucose	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Glucose trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin/EDTA. Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	test	30240
1.9			Thuốc thử đo Gamma GT Liquicolor	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng GGT trong huyết tương và huyết thanh - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	test	3000

1.10			Thuốc thử HDL Cholesterol	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin/ EDTA. - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	test	5040
1.11			Thuốc thử TRIGLYCERIDE	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Triglycerides trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin/ EDTA. - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	test	8820
1.12			Thuốc thử Urea UV	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Urea trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin/EDTA. - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	test	10000
1.13			Thuốc thử Acid Uric	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Uric Acid trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin/EDTA. - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	test	2400
1.14			Nước rửa kim hút hệ thống sinh hóa	Dung dịch rửa máy chuyên dùng cho máy xét nghiệm HumaStar300 - HumaStar 600 - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	ml	400
1.15			Nước pha loãng rửa hệ thống sinh hóa	Dung dịch pha loãng mẫu chuyên dùng cho máy HumaStar, lọ có mã vạch đóng - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	ml	480

1.16			Thuốc thử Cholesterol	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Cholesterol trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin/EDTA. - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	test	9000
1.17			Thuốc thử Amylase	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng alpha-Amylase trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin. - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	test	800
1.18			Thuốc thử Bilirubin Direct	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Bilirubin-D trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin. - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	test	800
1.19			Thuốc thử Bilirubin Total	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Bilirubin-T trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin. - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	test	1200
1.20			Thuốc thử Protein total	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Protein toàn phần trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin /EDTA. - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	test	600

1.21			Thuốc thử Albumin	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Albumin trong huyết tương trắng heparin/EDTA và huyết thanh -Phương pháp: BCG (Bromocresol green) - Thành phần: [RGT] Colour Reagent (R1) Citrate buffer (pH 4.2) 30 mmol/l Bromocresol green 260 μ mol/l	test	480
1.22			Nước rửa hệ thống sinh hóa	Dung dịch rửa đặc biệt được cung cấp đặc biệt để chuẩn bị dung dịch rửa cho máy HumaStar 100, 200, 300,600 và các máy cùng nhóm của Human GmbH, có thể áp dụng quy trình rửa đặc biệt có đo và kim. - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	ml	7200
1.23			Dung dịch rửa cuvette	Dung dịch rửa có đo cho máy sinh hóa tự động - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	ml	10560
1.24			Bóng đèn Halogen	Bóng đèn Halogen, sử dụng cho máy Sinh hóa tự động HumaStar 300SR	cái	15
1.25			Cuvette chạy mẫu	Cuvette phù hợp với hệ thống sinh hóa tự động Humastar300SR	cái	400

1.26			Thuốc thử định lượng CRP	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng CRP trong huyết thanh -Thành phần: R1: BES buffer (pH 7.5) 20 mmol/l, PEG 6000 5 %, Chất tẩy rửa 2 %, Sodium azide 0.095 %. R2: monospecific anti-human CRP antiserum (goat), Sodium azide 0.095 %	test	2.500
1.27			Chất chuẩn CRP	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm sinh hóa CRP - Thành phần: anti-Human serum, with determined level of CRP (concentration in mg/l is indicated on the label); 0.95 g/l sodium azide.	ml	24
1.28			Hóa chất sử dụng cho máy phân tích sinh hóa (Control CRP)	Huyết thanh TURBIDOS kiểm soát độ chính xác và độ chính xác của hóa học lâm sàng phương pháp thủ công và tự động - Thành phần: Human serum, spiked with protein	ml	24
2	PP25005 76901	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC PHÙ HỢP VỚI MÁY HUMACOU NT 80TS				
2.1			Dung dịch pha loãng dùng cho xét nghiệm huyết học	Dung dịch pha loãng sử dụng được và phù hợp với các máy huyết học dòng HumaCount 80 TS; Sau khi	ml	4.000.0 00

				mở nắp độ ổn định trên 30 ngày.			
2.2			Dung dịch rửa máy dùng cho xét nghiệm huyết học	Dung dịch rửa máy sử dụng được và phù hợp với các máy huyết học với dòng máy HumaCount 80TS; Sau khi mở nắp độ ổn định trên 30 ngày	ml	40.000	
2.3			Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm huyết học	Dung dịch ly giải hồng cầu sử dụng được và phù hợp với các máy huyết học dòng HumaCount 80TS; Sau khi mở nắp độ ổn định trên 30 ngày;	ml	60.000	
2.4			Hoá chất chuẩn máy, nội kiểm	Hoá chất kiểm chuẩn cho máy huyết học 3TP. 3 mức: thấp, trung bình, cao; Hóa chất sử dụng được và phù hợp với máy huyết học HumaCount 80TS	Hộp	12	
3	PP25005	HOÁ CHẤT					
	76902	ĐIỆN GIẢI					
3.1			Dung dịch sử dụng để kiểm định chất lượng của thiết bị phân tích phục vụ cho xét nghiệm điện giải	Dung dịch QC Solution được sử dụng để kiểm định chất lượng của thiết bị phân tích HumaLyte Plus 3 và HumaLyte Plus 5.	ml	6	
3.2			Dung dịch rửa máy hằng ngày sử dụng cho máy điện giải	Dung dịch rửa máy hằng ngày sử dụng cho máy điện giải HumaLyte Plus - Đóng gói: 1x100 ml, dạng lỏng, đựng trong chai nhựa, đóng nắp vặn trắng, có nhãn	ml	6	

3.3			Dung dịch rửa máy hàng tuần sử dụng cho máy điện giải	Dung dịch rửa máy hàng tuần sử dụng cho máy điện giải HumaLyte Plus - Đóng gói: 1x100 ml, dạng lỏng, đựng trong chai nhựa, đóng nắp vận trắng, có nhãn	ml	1
3.4			Dung dịch rửa chọn lọc điện cực Na sử dụng cho máy điện giải	Dung dịch rửa chọn lọc điện cực Na sử dụng cho máy điện giải HumaLyte Plus	ml	2
3.5			Dung dịch làm đầy điện cực Kali sử dụng cho máy điện giải	Dung dịch làm đầy điện cực Kali sử dụng cho máy điện giải HumaLyte Plus - Thành phần: KCl < 1.0 %	ml	1
3.6			Dung dịch làm đầy điện cực pH/Na/Cl sử dụng cho máy điện giải	Dung dịch làm đầy điện cực pH/Na/Cl sử dụng cho máy điện giải HumaLyte Plus - Thành phần: < 1% NaCl, < 1% N-(2-hydroxyethyl) piperazine- (2-ethanesulfonic acid), < 1% Tris(hydroxymethyl)amino methane	ml	1
3.7			Dung dịch làm đầy điện cực Canxi sử dụng cho máy điện giải	Dung dịch làm đầy điện cực Canxi sử dụng cho máy điện giải HumaLyte Plus - Thành phần: CaCl ₂ < 1.0 %	ml	1
3.8			Dung dịch làm đầy điện cực tham chiếu sử dụng cho	Dung dịch làm đầy điện cực tham chiếu sử dụng cho máy điện giải HumaLyte Plus - Thành phần: KCl < 1.5 %	ml	1

			máy điện giải			
3.9			Gói thuốc thử sử dụng cho máy phân tích điện giải 5 thông số	Gói thuốc thử sử dụng cho máy phân tích điện giải 5 thông số HumaLyte Plus 5 - Thành phần: Standard A KCl 4.00 mmol/l; NaCl 94.0 mmol/l; Na-acetate 46.0 mmol/l; CaCl ₂ 1.0 mmol/l Standard B KCl 8.00 mmol/l ; NaCl 58.0 mmol/l; Na-acetate 52.0 mmol/l; CaCl ₂ 2.0 mmol/l	Bộ	18
3.10			Điện cực Na sử dụng cho máy phân tích điện giải	Điện cực Na sử dụng cho máy phân tích điện giải	cái	1
3.11			Điện cực K sử dụng cho máy phân tích điện giải	Điện cực K sử dụng cho máy phân tích điện giải	cái	2
3.12			Điện cực Cl sử dụng cho máy phân tích điện giải	Điện cực Cl sử dụng cho máy phân tích điện giải	cái	1
3.13			Điện cực Ca sử dụng cho máy phân tích điện giải	Điện cực Ca sử dụng cho máy phân tích điện giải	cái	1

3.14			Điện cực pH sử dụng cho máy phân tích điện giải	Điện cực pH sử dụng cho máy phân tích điện giải	cái	1
3.15			Điện cực tham chiếu sử dụng cho máy phân tích điện giải	Điện cực tham chiếu sử dụng cho máy phân tích điện giải	cái	1
3.16			Màng điện cực tham chiếu sử dụng cho máy phân tích điện giải	Màng điện cực tham chiếu sử dụng cho máy phân tích điện giải	cái	1

PHỤ LỤC 2 - CAM KẾT CỦA NHÀ THẦU
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa danh, ngàytháng.....năm.....

BẢN CAM KẾT

Nhà thầu..... (sau đây gọi tắt là Nhà thầu) tham gia đấu thầu gói thầu:.....

Đại diện hợp pháp của nhà thầu..... cam kết các điều khoản sau:

1. Hàng hóa do nhà thầu cung cấp được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng và lưu hành trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

2. Nhà thầu cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và minh bạch của các nội dung kê khai.

3. Hàng hóa do nhà thầu cung cấp có nhãn hoặc có kèm theo nhãn phụ với đầy đủ các thông tin theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Cam kết hàng hóa được giao mới 100%, còn nguyên và chưa qua sử dụng. Cam kết hàng hóa khi giao đảm bảo Phẩm chất, chất lượng, được bao bì đóng gói, thông số kỹ thuật theo đúng tiêu chuẩn chế tạo của nhà sản xuất và theo yêu cầu của HSMT; đảm bảo không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa. Trường hợp, hàng hóa vi phạm cam kết này hoặc Hàng hóa đã giao và có thông báo đình chỉ lưu hành, thu hồi của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Đơn vị sử dụng, Nhà thầu cam kết thu hồi hàng hóa đã giao và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sản phẩm không đảm bảo chất lượng gây nên cho bệnh nhân và Đơn vị sử dụng; Nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả tiền hoặc thay thế bằng lô sản xuất khác đảm bảo chất lượng.

5. Cam kết giá chào thầu của hàng hóa đảm bảo phù hợp theo quy định của Luật Giá, Nghị định 98/2021/NĐ-CP, Nghị định 07/2023/NĐ-CP và quy định pháp luật hiện hành. Cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng chủng loại; giá đã trúng thầu và không thay đổi trong thời gian thực hiện hợp đồng. Hàng hóa được cung cấp làm nhiều đợt theo nhu cầu của Đơn vị sử dụng và dự kiến hoàn thành trong thời gian hợp đồng có hiệu lực.

6. Cam kết về hạn sử dụng của hàng hóa phải được in trên bao bì của sản phẩm hoặc theo quy định của nhà sản xuất. Hạn sử dụng còn lại của hàng hóa trúng thầu tính từ thời điểm cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu 06 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 năm trở lên; 1/2 hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm.

7. Cam kết tối đa trong vòng 7 ngày kể từ khi nhận được thông báo dự trữ của Đơn vị sử dụng, Nhà thầu cung ứng đầy đủ vật tư hàng hóa tại Kho hoặc nơi chỉ định của Đơn vị sử dụng, đảm bảo về số lượng và chất lượng, đúng giá trúng thầu, mọi chi phí vận chuyển do nhà cung cấp chịu.

Chúng tôi cam kết sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về các nội dung đã cam kết nêu trên theo quy định của pháp luật.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]